e-ISSN 3030-4822

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG - CƠ SỞ HÀ NỘI

Nguyễn Ngọc Khôi[1]; Phạm Hải Yến[2]

Thông tin bài báo:
Ngày nhận bài: **28/09/2026**
Ngày phản biện: **27/10/2026**
Ngày đăng: **16/11/2026**

Tác giả liên hệ:
Nguyễn Ngọc Khôi
Email: masterkhoi1981@gmail.com
Tập 3, số 6 (2026), trang 9-14
DOI: https://doi.org/10.64024/upes14291
Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Đánh giá thực trạng hoạt động thể dục thể thao (TDTT) ngoại khóa của sinh viên Học viện Hành chính và Quản trị công - Cơ sở Hà Nội thông qua thống kê mô tả kết quả khảo sát điều tra bằng phiếu hỏi trên mẫu 1.200 sinh viên năm học 2024-2025 cho thấy: có 23% sinh viên tham gia TDTT ngoại khóa thường xuyên; hình thức chủ yếu là tự tập cá nhân (41%) và theo nhóm bạn (30%), trong khi tỷ lệ tham gia câu lạc bộ đạt 19,00%; các rào cản nổi bật gồm thiếu thời gian (72%), thiếu thông tin (58%) và hạn chế về sân bãi (56%). Thực trạng một số yếu tố ảnh hưởng như đội ngũ giảng viên/hướng dẫn viên, cở vật chất, hoạt động truyền thông được đánh giá ở mức trung bình, chưa tạo được sức hút ổn định. Kết quả nghiên cứu là căn cứ để lựa chọn các giải pháp can thiệp nâng cao hiệu quả hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên.

Từ khóa: thực trạng, TDTT ngoại khóa; Học viện Hành chính và Quản trị công.

Current status of extracurricular physical activity and sport among students at the Hanoi campus of the Academy of Public Administration and Governance

Nguyen Ngoc Khoi[1]; Pham Hai Yen[2]

Article Information:
Received: **28/09/2026**
Review date: **27/10/2026**
Published: **16/11/2026**

Corresponding Author:
Nguyen Ngoc Khoi
Email: masterkhoi1981@gmail.com
Vol.3, Issue 6 (2026), pp 9-14
DOI: https://doi.org/10.64024/upes14291
Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Abstract:

This study assessed extracurricular physical activity and sport among students at the Hanoi campus of the Academy of Public Administration and Governance using descriptive statistics from a questionnaire survey of 1,200 students in the 2024–2025 academic year. The findings show that 23% of students regularly participated in extracurricular physical activity and sport. The most common forms of participation were individual exercise (41%) and exercise with friends (30%), whereas club participation accounted for 19.00%. The main barriers were lack of time (72%), insufficient information (58%), and limited access to sports grounds (56%). Several influencing factors, including lecturers and instructors, facilities, and communication activities, received moderate ratings and had not generated sustained student engagement. These findings provide a basis for selecting interventions to improve extracurricular physical activity and sport among students.

Keywords: Current status; extracurricular physical activity and sport; Academy of Public Administration and Governance.

[1]TS Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
[2]ThS Học viện Hành chính và Quản trị công

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoạt động TDTT ngoại khóa là bộ phận của giáo dục thể chất (GDTC) trong nhà trường, có vai trò duy trì và nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực và hình thành thói quen vận động cho sinh viên. Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT đã xác định yêu cầu tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa trong các cơ sở giáo dục. Hiệu quả và chất lượng tham gia hoạt động TDTT ngoại khoá chịu tác động đồng thời của nhiều yếu tố cá nhân, xã hội và môi trường, trong đó lịch học, khả năng tiếp cận sân bãi, hình thức tổ chức và thông tin về hoạt động đều có thể ảnh hưởng đến quyết định tham gia.

Học viện Hành chính và Quản trị công - Cơ sở Hà Nội đã tổ chức các câu lạc bộ và nhiều sự kiện thể thao dành cho sinh viên, nhưng chưa có nghiên cứu đánh giá khoa học về thực trạng và hiệu quả của hoạt động TDTT ngoại khóa, qua đó xác định những thành công và cả các hạn chế chủ yếu, làm cơ sở lựa chọn giải pháp tác động phù hợp.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu là thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên Học viện Hành chính và Quản trị công - Cơ sở Hà Nội. Khách thể khảo sát gồm 1.200 sinh viên, trong đó có 720 sinh viên khóa 24 (60%), 420 sinh viên khóa 23 (35%) và 60 sinh viên các khóa khác (5%). Dữ liệu được thu thập trong năm học 2024-2025.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp: phân tích và tổng hợp tài liệu; điều tra bằng phiếu hỏi trực tiếp kết hợp Google Forms; phỏng vấn cán bộ quản lý, giảng viên GDTC, cán bộ Đoàn - Hội, ban chủ nhiệm câu lạc bộ và chuyên gia; thống kê mô tả bằng số lượng và tỷ lệ %.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên Học viện Hành chính và Quản trị công - Cơ sở Hà Nội

Kết quả đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên Học viện được tiến hành trên các mặt: Mức độ, hình thức tham gia; Nội dung/ môn thể thao tập luyện; Hoạt động của các câu lạc bộ và tổ chức các sự kiện thể thao; Một số yếu tố ảnh hưởng và nguyên nhân hạn chế. Kết quả khảo sát được phân tích qua thống kê mô tả.

1.1. Mức độ, hình thức tham gia TDTT ngoại khóa của sinh viên Học viện

Bảng 1 cho thấy:

Về mức độ chuyên cần: chỉ có 23% sinh viên tham gia thường xuyên, 67% tham gia không thường xuyên hoặc ít tham gia và 10% không tham gia;

Về hình thức tham gia: tự tập cá nhân và tập theo nhóm bạn chiếm 71%, trong khi tỷ lệ tham gia câu lạc bộ là 19,00% và tập luyện có hướng dẫn chuyên môn chỉ 3%.

Kết quả phản ánh hoạt động TDTT ngoại khóa còn thiên về hình thức tự tổ chức, chưa hình thành được thói quen tập luyện ổn định *và* bền vững trong môi trường có hướng dẫn.

1.2. Nội dung hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên Học viện

Bảng 1. Mức độ và hình thức tham gia TDTT ngoại khóa của sinh viên (n = 1200)

Nhóm chỉ báo	Nội dung	m_i	Tỷ lệ (%)
Mức độ	Thường xuyên	276	23
	Không thường xuyên	504	42
	Ít tham gia	300	25
	Không tham gia	120	10
Hình thức	Tự tập cá nhân	492	41
	Theo nhóm bạn bè	360	30
	Tham gia câu lạc bộ	228	19
	Thi đấu phong trào	84	7
	Có hướng dẫn viên	36	3

Bảng 2. Các nội dung/ môn thể thao ngoại khóa sinh viên lựa chọn tập luyện (n = 1200)

TT	Môn thể thao	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Bóng đá	384	32
2	Cầu lông	336	28
3	Bóng chuyền	264	22
4	Gym - Fitness	252	21
5	Chạy bộ	240	20
6	Bóng rổ	156	13
7	Cờ vua	132	11
8	Võ thuật	96	8

Nhóm các môn thể thao được lựa chọn để tập luyện nhiều là Bóng đá (32%), Cầu lông (28%), Bóng chuyền (22%), Gym - fitness (21%) và chạy bộ (20%); tiếp theo là các môn Bóng rổ (13%), Cờ vua (11%) và Võ thuật (8%). Cơ cấu lựa chọn này cho thấy sinh viên ưu tiên các môn dễ tổ chức, có tính giao lưu cao hoặc linh hoạt về thời gian tham gia. Kết quả khảo sát phù hợp với quan điểm cho rằng điều kiện môi trường và khả năng tiếp cận là các yếu tố có liên quan chặt chẽ đến hành vi hoạt động ngoại khóa của sinh viên.

1.3. Thực trạng tổ chức hoạt động của các câu lạc bộ thể thao cho sinh viên tại Học viện

Học viện có 7 câu lạc bộ được tổ chức và tiến hành khảo sát với 353 thành viên thường xuyên tham gia, trong đó số lượng được phân bổ như sau: Bóng đá (46 SV), Footsal (55 SV), Bóng chuyền (29 SV), Bóng rổ (70 SV), Cầu lông (64), Võ Linh Quyền đạo (35 SV) và Cờ vua (54 SV). So với tổng số 11.394 sinh viên năm học 2025, số thành viên tham gia câu lạc bộ chỉ chiếm khoảng 3,10%; nam giới chiếm 297/353 thành viên (84,14%), nữ giới chiếm 56/353 (15,86%). Các câu lạc bộ sinh hoạt từ 2 đến trên 4 buổi/tuần, nhưng quy mô và mức độ tham gia của sinh viên còn nhỏ và chênh lệch giới tính rất lớn. Kết quả này cho thấy cần mở rộng tổ chức câu lạc bộ theo nhu cầu của sinh viên và có biện pháp thúc đẩy, tăng cường tỷ lệ tham gia của nữ sinh viên cũng như vai trò quản lý, hướng dẫn chuyên môn của câu lạc bộ để thu hút sinh viên.

1.4. Thực trạng hiệu quả tổ chức các sự kiện thể thao cho sinh viên tại Học viện

Bảng 3. Mức độ thu hút của một số sự kiện thể thao do Học viện tổ chức

TT	Sự kiện thể thao	Kỳ vọng	Thực tế	Tỷ lệ (%)
1	Hội thao sinh viên lần 1 (2024)	800	210	26.25
2	NaPa Open Cup (12/2024)	1.000	347	34.7
3	Hội thao sinh viên lần 2 (2025)	1.000	380	38
4	Giao hữu với Học viện Tài chính (2025)	300	115	38.33
5	Push Up Showdown (2025)	250	94	37.6
6	APAG Cup Season 1 (3/2025)	700	320	45.71
7	APAG Cup Season 2 (4/2025)	700	160	22.86

Tỷ lệ tham gia thực tế tại các sự kiện thể thao chỉ đạt 22,86-45,71% so với kỳ vọng. APAG Cup Season 1 có tỷ lệ cao nhất (45,71%), trong khi Season 2 chỉ đạt 22,86%. Hội thao sinh viên tăng từ 26,25% năm 2024 lên 38,00% năm 2025, nhưng vẫn thấp hơn một nửa quy mô kỳ vọng. Biến động giữa các sự kiện thể thao được Học viện tổ chức trong năm 2024-2025 cho thấy sức thu hút chưa ổn định.

Kết quả khảo sát đã chỉ ra sự cần thiết phải tổ chức đánh giá riêng hiệu quả hoạt động truyền thông, thời điểm tổ chức và cách thức huy động sinh viên sau mỗi sự kiện.

2. Thực trạng một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên Học viện Hành chính và Quản trị công - Cơ sở Hà Nội

2.1. Đội ngũ chuyên môn và cơ sở vật chất

Bảng 4. Đội ngũ giảng viên, hướng dẫn viên TDTT giai đoạn 2023-2025

Năm	Số GV/HDV	Nam	Nữ	Tổng SV	Tỷ lệ GV/SV
2023	9	5	4	8.334	1/926
2024	9	5	4	10.135	1/1.126
2025	6	3	3	11.394	1/1.899

Quy mô sinh viên tăng từ 8.334 năm 2023 lên 11.394 năm 2025, trong khi đội ngũ giảng viên, hướng dẫn viên TDTT giảm từ 9 xuống 6 người. Tỷ lệ GV/SV vì vậy thay đổi từ 1/926 lên 1/1.899. Toàn bộ đội ngũ giảng viên, hướng dẫn viên có trình độ đào tạo sau đại học và thâm niên trên 5 năm, nhưng số lượng hiện có tạo áp lực khi phải đồng thời thực hiện nhiệm vụ giảng dạy chính khóa, tổ chức ngoại khóa và hỗ trợ câu lạc bộ.

Bảng 5. Đánh giá cơ sở vật chất phục vụ TDTT ngoại khóa (n = 1.200; đơn vị: %)

Nội dung khảo sát	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Sân bãi tập luyện	16	29	38	17
Trang thiết bị TDTT	15	31	39	15
Không gian tập luyện	17	30	35	18
Bảo quản cơ sở vật chất	22	34	31	13

Về CSVC, tỷ lệ đánh giá ở mức trung bình và yếu dao động từ 44% đến 55%, cao nhất ở yếu tố sân bãi tập luyện (55%) và trang thiết bị TDTT (54%). Kết quả này thống nhất với tỷ lệ 56% sinh viên cho rằng cơ sở vật chất, sân bãi hạn chế là rào cản tham gia (bảng 7). Việc mở rộng phong trào vì thế cần đi cùng phương án khai thác sân bãi theo khung giờ, bảo quản thiết bị và phối hợp sử dụng cơ sở vật chất phù hợp.

2.2. Thực trạng công tác truyền thông TDTT ngoại khóa

Phần lớn tiêu chí truyền thông đưa ra khảo sát được đánh giá ở mức trung bình, từ 32% đến 42%. Tỷ lệ tốt và khá đối với hiệu quả trên mạng xã hội đạt 55%, cao nhất trong năm tiêu chí; tuy nhiên, hình thức hấp dẫn chỉ đạt 40%, tần suất truyền thông 42% và khả năng thu hút 41%. Kết quả này phù hợp với việc 58% sinh viên xác định thiếu thông tin là rào cản (bảng 7). Nghiên cứu của Lê Thị Hạnh cũng đề cập vai trò của mạng xã hội trong truyền thông TDTT cho sinh viên [3]. Đối với Học viện, nội dung cần ngắn gọn, trực quan, công bố lịch hoạt động rõ ràng và thống nhất giữa website, mạng xã hội, kênh Đoàn - Hội và câu lạc bộ.

Bảng 6. Đánh giá công tác truyền thông TDTT ngoại khóa (n = 1200; đơn vị: %)

Nội dung	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Mức độ cập nhật thông tin	15	30	40	15
Hình thức truyền thông hấp dẫn	12	28	42	18
Tần suất truyền thông	13	29	41	17
Khả năng thu hút sinh viên	14	27	41	18
Hiệu quả trên mạng xã hội	20	35	32	13

Bảng 7. Các nguyên nhân hạn chế tham gia TDTT ngoại khóa (n = 1200)

TT	Nguyên nhân hạn chế	Số lựa chọn	Tỷ lệ (%)
1	Thiếu thời gian do học tập	864	72
2	Thiếu thông tin về hoạt động	696	58
3	Cơ sở vật chất, sân bãi hạn chế	672	56
4	Chưa có nhiều câu lạc bộ phù hợp	588	49
5	Thiếu người hướng dẫn chuyên môn	528	44
6	Chưa có động lực tham gia	480	40
7	Kinh phí tham gia hạn chế	360	30

Nhìn chung, hạn chế truyền thông không tồn tại riêng lẻ mà liên hệ với quỹ thời gian, sân bãi, nhân lực và năng lực tổ chức hoạt động của các câu lạc bộ. Do nghiên cứu sử dụng thiết kế mô tả theo lát cắt ngang nên các kết quả phản ánh mối liên hệ và mức độ đánh giá tại thời điểm khảo sát không khẳng định được mối quan hệ nhân quả.

3. Các nguyên nhân hạn chế tham gia TDTT ngoại khóa của sinh viên Học viện Hành chính và Quản trị công - Cơ sở Hà Nội

Thiếu thời gian do học tập là rào cản lớn nhất (72%). Hai yếu tố thuộc điều kiện tổ chức cũng có tỷ lệ cao là thiếu thông tin (58%) và hạn chế về sân bãi (56%). Kết quả phù hợp với mô hình đa yếu tố về hành vi hoạt động thể lực của Bauman và cộng sự. Vì vậy, truyền thông chỉ có thể phát huy hiệu quả khi thông tin gắn với lịch học, thời gian, địa điểm, điều kiện đăng ký và khả năng tiếp cận sân bãi thực tế.

KẾT LUẬN

Hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên tại Học viện Hành chính và Quản trị công - Cơ sở Hà Nội khá đa dạng về nội dung, hệ thống câu lạc bộ và các sự kiện thể thao định kỳ; tuy vậy tỷ lệ tập luyện thường xuyên mới đạt 23%; hoạt động chủ yếu mang tính tự tổ chức; tỷ lệ tham gia câu lạc bộ và tập luyện có hướng dẫn chuyên môn còn thấp; các câu lạc bộ thu hút khoảng 3,10% tổng số sinh viên năm 2025 và có chênh lệch lớn về giới tính; tỷ lệ tham gia các sự kiện thể thao chỉ đạt 22,86-45,71% so với kỳ vọng.






Để hoạt động TDTT ngoại khóa thu hút được nhiều sinh viên tham gia tập luyện, việc tổ chức đa dạng các môn thể thao ngoại khóa với nhiều hình thức khác nhau là vấn đề cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn

Các rào cản nổi bật gồm thiếu thời gian, thiếu thông tin, hạn chế về sân bãi và thiếu người hướng dẫn. Trong bối cảnh tỷ lệ GV/SV năm 2025 là 1/1.899, việc mở rộng hoạt động bằng nguồn lực hiện có gặp nhiều khó khăn. Công tác truyền thông chủ yếu được đánh giá ở mức trung bình, chưa tạo được khả năng tiếp cận và sức hút ổn định.

Học viện cần xây dựng kế hoạch truyền thông theo năm học; công bố lịch, địa điểm và cách đăng ký trên các kênh thống nhất; củng cố câu lạc bộ theo nhu cầu của sinh viên; bố trí khung giờ linh hoạt; huy động cộng tác viên, hướng dẫn viên; đồng thời cải thiện việc khai thác sân bãi và trang thiết bị.

TUYÊN BỐ VỀ VIỆC SỬ DỤNG AI TẠO SINH

Tác giả không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào trong quá trình soạn thảo bản thảo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2008 ban hành Quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh, sinh viên,* Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động thể thao trong nhà trường*, Hà Nội.

3. Lê Thị Hạnh (2018), "Tối ưu hóa công tác truyền thông TDTT cho sinh viên thông qua mạng xã hội", *Tạp chí Thể dục Thể thao Việt Nam*, 12(1), tr. 12-25.

4. Nguyễn Đức Văn (2008), *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

5. Trần Văn Vinh (2017), *Tổ chức và quản lý hoạt động thể thao ngoại khóa trong trường đại học*, Nxb TDTT, Hà Nội.